

Họ tên	Bộ phận	1	2	3	6	7	8	9	10	13	14	15	16	17	20	21	22	23	24	27	28	Tổng
VI VĂN KHƯƠNG	BGD	3.63			8.72	2.42	8.43		4.02		2.75	7.9	7.93			8.28				8.37	4.15	<b>7.01</b>
<b>BAN GIÁM ĐỐC Cou</b>	1																					
KHA THỊ HẢI	DƯỢC		7.57	7.45	7.92	8.18	7.93	7.73	8.38						8.18	7.98	5.17	3.65	7.58	7.85	7.85	<b>10.9</b>
<b>KHOA DƯỢC Count</b>	1																					
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC			8.07	8.42	8.25	8.43	7.97	8.87		8.17	8.25	3.85	8.47		8.52	9.2	8.1	5.52	5.87	8.25	<b>13.1</b>
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	2.75			8.25	5.45	2.73			5.1	2.72	8.47	2.82		8.33	4.1		3.52		2.78	4.18	<b>6.45</b>
KHA VĂN HÀ	TCHC					8.52	4.85			4.17		3.78									3.72	<b>2.64</b>
VI VĂN THÌN	TCHC		5	4.12	6.93				7.43			5.17			4.42	8.37					7.92	<b>5.18</b>
LÔ VĂN TUẤN	TCHC	8.02	7.45	3.17	7.97	5.13	8.18								3.97	2.57		5.13		8.93	3.95	<b>6.78</b>
LƯƠNG VĂN AI	TCHC	6.22		3.33	8.58	8.03	8.07	7.38	8.62	7.42	5.35	8.55	8.58	4.5	7.52	8.65	8.88	8.28	6.85	2.52	8.55	<b>14.3</b>
LỮ VĂN TÒA	TCHC	8.9	8.62	8.6	8.67	3.08	8.53	7.67	4.1		8.42	8.58	8.63			5.42	8.7	4.6		8.12	8.98	<b>12.6</b>
<b>TỔ CHỨC HÀNH CHÍ</b>	7																					
HÀ NGỌC ANH	KSBT				8.3	7.87	8.25	8.05	8.17	7.83	7.63	4.17	8.37	7.93	8.13	8.05	8.1	8.78	5.63	7.58		<b>12.9</b>
VỪ BÁ TỔNG	KSBT	5.2	7.45		8.23	8.57	5.32															<b>3.66</b>
CỤT VĂN PHON	KSBT	7.92	7.33			3.72	8.75	7.93	5.1		8.27			9.07	7.98	8.12	8	3.08				<b>8.96</b>
VI VĂN KHOA	KSBT	7.4	7.52	7.28	4.12	8.3	8.68	8.08	8.12	7.9	8.05	8.02	8.25	7.93	8.28	6.87	5.7	4.25	7.72	7.98	7.83	<b>15.6</b>
VI THỊ HỒNG	KSBT																					<b>0</b>
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT	7.25	7.35	7.4	7.75	7.42			7.85	7.77	7.77	7.63	7.62	7.88	7.58	7.73	4.92	4.73	7.27	4.07	5.02	<b>13.2</b>
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	3.73	8.18	7.63	8.23	7.93	8.13	8.15	5.05	7.88	7.78	7.77	8.1	7.53	7.77	8.23	5.37	7.07	5.73	8.05	2.98	<b>14.9</b>
GIÀ BÁ SÔ	KSBT	7.9	8.28		8.17	8.43	8.67	5.37	8.13	8.13	8.07	7.95	7.9		4.18	5.4	5.15		8.37	8.73	5.4	<b>13.1</b>
<b>KHOA KSBT- HIV/AIDS</b>	8																					
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP				8.02	8.4	8.3	3.93		4.17	7.78	7.93	7.97	7.83	8.03	8.45	8.68	5.5	7.83	8.33	7.88	<b>12.5</b>
VI THỊ NGÂN	ATTP				7.43	7.5	3.87	7.78	7.47	8.27	7.8	5.6		4.1	7.67	4.58	8.38	8.63	7.58	7.43	7.52	<b>11.8</b>
LÔ XUÂN QUANG	ATTP	4.88	7.62		8.02	7.7	4.37	8.05	4.08	8.35	8.35	4.65	8.03	8.22	8.23	7.17	9.07	8.2		8.15	8.48	<b>13.8</b>
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP	8.65	8.77	8.62	9.88	9.02	9.23	8.53	4.75	9.23	8.8	5.47	8.92	8.87	8.7	6.08	8.75	6.17				<b>14.4</b>
MOONG THỊ NHÂN	ATTP	7.47	7.42	8		7.32	7.82	7.63	7.38	7.52	7.9	7.93	7.57	7.8	7.5	7.62	7.53	7.52	7.73	3.98	7.63	<b>14.9</b>
VI THỊ MY LA	ATTP	7.05	6.98	7.82	7.12	7.28	6.98	7.02	7.12	7.82	7.98	7.87	7.9	7.63	3.65					4.13	7.8	<b>11.8</b>

